

Tuần 2

Ngày soạn: 9/9/2023

**Tiết 3 Bài 3: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ**

**I . Mục tiêu cần đạt :**

**1.Kiến thức :**

- Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta .
- Phân biệt được các loại hình. quần cư thành thị và nông theo chức năng và hình thái quần cư.
- Nhận biết quá trình đô thị hoá ở nước ta.

**2. Kỹ năng :** Biết phân tích bảng số liệu về dân cư, đọc bản đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam.

**- Các kỹ năng sống cơ bản được giáo dục :**

- + Tư duy : Thu thập và xử lí thông tin từ lược đồ / bản đồ , các bảng số liệu và bài viết để rút ra một số đặc điểm về mật độ dân số , sự phân bố dân cư , các loại hình quần cư và quá trình đô thị hóa ở nước ta.
- + Làm chủ bản thân : Trách nhiệm của bản thân trong việc chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước về phân bố dân cư .
- + Giải quyết vấn đề : Giải quyết mâu thuẫn giữa việc phát triển đô thị với việc phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường .
- + Giao tiếp : Trình bày suy nghĩ / ý tưởng , lắng nghe / phản hồi tích cực , giao tiếp và hợp tác khi làm việc theo nhóm, cặp .
- + Tự nhận thức :Thể hiện sự tự tin khi làm việc cá nhân và trình bày thông tin .

**3. Thái độ:** Ý thức bảo vệ môi trường nơi đang sống, chấp hành các chính sách của nhà nước về phân bố dân cư..

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, hợp tác, tư duy, năng lực đọc hiểu văn bản
- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ.
- \* **Yêu cầu đối với học sinh khuyết tật(câm điếc): Chỉ cần chép đủ nội bài học ghi trên bảng.**

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh :**

**1. Giáo viên :**

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam .

- 
- Lược đồ phân bố dân cư và đô thị Việt Nam.
  - Bảng số liệu mật độ dân số các quốc gia .
  - Tranh ảnh về nhà ở , sinh hoạt, sản xuất của một số loại hình quần cư ở Việt Nam .

**2. Học sinh :** Các kiến thức có liên quan đến bài học .

### **III. Hoạt động học tập:**

#### **A. Khởi động:**

1. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập.
- Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

2. Phương pháp:

- Trực quan
- Nêu vấn đề
- Đàm thoại gợi mở

3. Hình thức: Cá nhân

4. Tiến trình hoạt động:

**Bước 1:** GV giao nhiệm vụ cho HS:

? Quan sát hình 3.1 và bảng 3.1 Sự phân bố dân cư ở nước ta như thế nào ?

? Nước ta có các loại hình quần cư nào? Đặc điểm?

**Bước 2:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS

**Bước 3:** HS trả lời.

**Bước 4:** GV nhận xét dẫn dắt vào nội dung bài mới

#### **B. Hình thành kiến thức mới:**

**Hoạt động 1: Mật độ dân số và sự phân bố dân cư.**

**1. Mục tiêu:** Trình bày được tình hình phân bố dân cư nước ta .

**2. Hình thức:** cá nhân

**3. Phương pháp:** nêu vấn đề

**4. Các bước hoạt động**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<b>Bước 1:</b> GV giao nhiệm vụ cho HS:		

<p>Yêu cầu HS đọc nội dung mục 1 , kết hợp quan sát lược đồ/ bản đồ “ Phân bố dân cư và đô thị ở Việt Nam” và vốn hiểu biết :</p> <p>? Cho biết mật độ dân số nước ta vào loại cao hay thấp trên thế giới ?</p> <p>? Nêu nhận xét sự phân bố dân cư nước ta .</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm trên lược đồ khu vực có mật độ dân số dưới 100 người/km<sup>2</sup>, từ 101 – 500, 501 – 1000 và trên 1000.</li> <li>- Giải thích sự phân bố dân cư.</li> <li>- So sánh tỉ lệ dân cư giữa nông thôn và thành thị .</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS</p> <p><b>Bước 3:</b> HS trả lời. bổ sung.</p> <p><b>Bước 4:</b> GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ dân số nước ta thuộc loại cao trên thế giới</li> <li>- Phân bố không đều</li> </ul> <p>HS thực hiện</p>	<p><b>1. Mật độ dân số :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ dân số nước ta thuộc loại cao trên thế giới. Năm 2019 là 290 người/km<sup>2</sup></li> </ul> <p><b>2. Sự phân bố dân cư :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân bố không đều.</li> <li>* Đông ở đồng bằng, ven biển và các đô thị.</li> <li>*Thưa thớt ở miền núi, cao nguyên.</li> <li>- Khoảng 65,6% dân số sống ở nông thôn, 34,4% ở thành thị</li> </ul>
---	---	---

(2019)

**Hoạt động 2: Các loại hình quần cư.**

**1. Mục tiêu:** Phân biệt được các loại hình. quần cư thành thị và nông theo chức năng và hình thái quần cư.

**2. Hình thức:** Nhóm/ kĩ thuật khăn trải bàn

**3. Phương pháp:** nêu vấn đề, trực quan

**4. Các bước hoạt động**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p><b>Bước 1:</b> GV giao nhiệm vụ cho HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát lược đồ các tranh ảnh về quần cư.</li> <li>- Quần cư nông thôn có đặc điểm gì ?</li> <li>- Ở nông thôn hoạt động kinh tế chủ yếu là gì? Vì sao?</li> <li>- Hãy nêu những thay đổi của quần cư nông thôn mà em biết?</li> <li>- Quan sát (hình 3.1),</li> <li>- Quần cư đô thị phân bố ở đâu ? Đặc điểm .</li> <li>- Ở thành thị hoạt động kinh tế chủ yếu là gì? Vì sao?</li> <li>- Nêu đặc điểm của quần cư thành thị ở nước ta ?</li> <li>- Sự khác nhau về hoạt động kinh tế, cách bố trí nhà giữa nông thôn và thành thị như thế nào?</li> <li>- Địa phương em thuộc loại hình nào?</li> <li>- Quan sát hình 3.1. Hãy nêu nhận xét về sự phân bố các đô thị của</li> </ul>	<p>Nông-lâm-ngư nghiệp</p> <p>thành phố</p> <p>công nghiệp, dịch vụ</p>	

<p>nước ta . Giải thích?</p> <p><b>Bước 2:</b> Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS</p> <p><b>Bước 3:</b> HS trả lời. bổ sung.</p> <p><b>Bước 4:</b> GV nhận xét, chốt kiến thức</p>		<p><b>1. Quần cư nông thôn</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà cửa , thôn xóm trải rộng theo không gian .</li> <li>- Mật độ dân số thấp .</li> <li>- Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông lâm, ngư nghiệp .</li> </ul> <p><b>2. Quần cư thành thị</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu ở đồng bằng ven biển .</li> <li>- Mật độ dân số cao , nhà cửa san sát.</li> <li>- Các đô thị của nước ta phần lớn có qui mô vừa và nhỏ .</li> <li>- Hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp ,dịch vụ ,...</li> <li>- Là trung tâm kinh tế chính trị văn hoá ,khoa học kĩ thuật</li> </ul>
---	--	---

**Hoạt động 3: Đô thị hóa**

**1. Mục tiêu:** Nhận biết quá trình đô thị hoá ở nước ta.

**2. Hình thức:** Nhóm/ kĩ thuật khăn trải bàn

**3. Phương pháp:** nêu vấn đề, trực quan**4. Các bước hoạt động**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Kiến thức cơ bản
<p><b>Bước 1:</b> GV giao nhiệm vụ cho HS:</p> <p>Quan sát số liệu ở bảng 3.1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu nhận xét về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta.?</li> <li>- Cho biết sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị đã phản ánh quá trình đô thị hóa ở nước ta như thế nào?</li> <li>- So với thế giới đô thị hoá nước ta như thế nào?</li> <li>- Việc tập trung quá đông dân vào các thành phố lớn gây ra hiện tượng gì?</li> <li>- Quan sát lược đồ phân bố dân cư để nhận xét về sự phân bố của các thành phố lớn .</li> <li>- Hãy lấy dẫn chứng về sự quá tải này.</li> <li>- Kể tên một số thành phố lớn nước ta ?</li> <li>- Lấy ví dụ minh họa về việc mở rộng quy mô các thành phố ?</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Học sinh thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và trợ giúp HS</p> <p><b>Bước 3:</b> HS trả lời. bổ sung.</p> <p><b>Bước 4:</b> GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Thấp</p> <p>Đô thị hóa tăng nhanh . Vừa và nhỏ .</p> <p>Ô nhiễm môi trường</p>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ dân thành thị thấp .</li> <li>- Quá trình đô thị hóa tăng nhanh .</li> <li>- Qui mô đô thị vừa và nhỏ .</li> <li>- Trình độ đô thị hoá chưa cao .</li> </ul>
--	--	---

**C. Luyện tập.** Chọn vào câu trả lời đúng nhất:

Câu 1 : Trên thế giới , nước ta nằm trong số các nước có mật độ dân số :

- A : Thấp                      B : Trung Bình                      C : Cao                      D : Rất cao

Câu 2 : Dân cư nước ta sống thưa thớt ở .

- A: Ven biển                      **B : Miền Núi**                      C : Đồng bằng                      D : Đô thị

Câu 3: Hãy trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta.

**Đáp án:**

- Dân cư tập trung đông đúc ở vùng đồng bằng, ven biển và các đô thị.
- Dân cư thưa thớt ở miền núi

**D. Vận dụng, mở rộng:**

- Nêu nhận xét về sự phân bố dân cư và sự thay đổi mật độ dân số ở các vùng của nước ta.

**Đáp án:** Sự phân bố dân cư nước ta không đều giữa các vùng:

+ Vùng có mật độ dân số cao nhất là Đồng bằng sông Hồng (1192 người / km<sup>2</sup>), tiếp theo là Đông Nam Bộ, sau đó là Đồng bằng sông Cửu Long, và thấp nhất là Tây Bắc.

+ Các vùng có mật độ dân số cao hơn trung bình của cả nước là: Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ.

- Sự thay đổi mật độ dân số của các vùng: từ năm 1989 đến 2003, mật độ dân số các vùng đều tăng, đặc biệt ở Tây Nguyên tăng gấp đôi.

**- Chuẩn bị bài 4 : Lao động và việc làm - chất lượng cuộc sống**

- + Đặc điểm nguồn lao động .
- + Vấn đề sử dụng nguồn lao động ở nước ta .

---

+ Tình hình chất lượng cuộc sống người dân và vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống .